

và thủ tục làm, nộp đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp có nguồn gốc Việt Nam ra nước ngoài.

Điều 69.- Điều khoản chuyển tiếp:

1. Các đơn yêu cầu bảo hộ trên cơ sở Pháp lệnh Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ngày 28 tháng 1 năm 1989 đã được nộp cho Cục Sở hữu công nghiệp trước ngày 1 tháng 7 năm 1996, kể cả các đơn nộp qua bưu điện có dấu bưu điện trước ngày đó, tiếp tục được xử lý theo Pháp lệnh nói trên.

2. Các Văn bằng bảo hộ được cấp trên cơ sở Điều lệ về Sáng kiến, sáng chế năm 1981, Điều lệ về Giải pháp hữu ích năm 1988, Điều lệ về Nhân hiệu hàng hóa năm 1982, Điều lệ về Kiểu dáng công nghiệp năm 1988 hoặc trên cơ sở Pháp lệnh Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ngày 28 tháng 1 năm 1989 tiếp tục có hiệu lực theo các văn bản đó đến hết kỳ hạn. Sau kỳ hạn hiệu lực tương ứng nói trên, nếu Chủ Văn bằng bảo hộ yêu cầu thì các Giấy chứng nhận đăng ký nhân hiệu hàng hóa và Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp được gia hạn theo quy định gia hạn của Nghị định này và từ kỳ hiệu lực mới mọi quyền và nghĩa vụ theo Văn bằng bảo hộ được áp dụng theo Nghị định này.

3. Các đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ nộp từ ngày 1 tháng 7 năm 1996 đến ngày ký Nghị định này được xử lý theo Nghị định này.

Điều 70.- Điều khoản thi hành:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Nghị định này thay thế các Điều lệ do Chính phủ ban hành trước đây về sáng kiến, sáng chế (Nghị định số 31-CP ngày 23-1-1981 sửa đổi ngày 20-3-1990), về nhân hiệu hàng hóa (Nghị định số 197-HDBT ngày 14-12-1982 sửa đổi ngày 20-3-1990), về kiểu dáng công nghiệp (Nghị định số 85-HDBT ngày 13-5-1988 sửa đổi ngày 20-3-1990), về giải pháp hữu ích (Nghị định số 200-HDBT ngày 28-12-1988 sửa đổi ngày 20-3-1990) và về mua bán li-xăng (Nghị định số 201-HDBT ngày 28-12-1988) và Nghị định số 84-HDBT ngày 20-3-1990 về việc sửa đổi các Điều lệ nói trên. Riêng các quy định về hoạt động sáng kiến theo Điều lệ về Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế (Nghị định

số 31-CP ngày 23-1-1981) vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi có quy định khác.

3. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 64-CP ngày 28-10-1996 về việc thành lập các phường mới thuộc thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Hưng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập các phường mới thuộc thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Hưng như sau:

1. Thành lập phường Ngọc Châu trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Ngọc Châu.

Phường Ngọc Châu có diện tích tự nhiên 654 ha và 13.379 nhân khẩu.

Địa giới phường Ngọc Châu: Đông và Bắc giáp huyện Nam Thanh; Tây giáp phường Trần Phú, phường Bình Hàn, phường Quang Trung và phường Trần Hưng Đạo; Nam giáp xã Hải Tân.

2. Thành lập phường Thanh Bình trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Thanh Bình.

Phường Thanh Bình có diện tích tự nhiên 365 ha và 15.378 nhân khẩu.

Địa giới phường Thanh Bình: Đông giáp phường Phạm Ngũ Lão, phường Lê Thanh Nghị và Bình Hàn; Tây giáp xã Tứ Minh; Nam giáp

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84 4 3845 6688 * LawSoft

huyện Gia Lộc và xã Hải Tân; Bắc giáp phường Cẩm Thượng và xã Việt Hòa.

3. Thành lập phường Hải Tân trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Hải Tân.

Phường Hải Tân có diện tích tự nhiên 254 ha và 6.603 nhân khẩu.

Địa giới phường Hải Tân: Đông giáp phường Ngọc Châu; Tây giáp phường Thanh Bình và huyện Gia Lộc; Nam giáp huyện Tứ Kỳ và huyện Gia Lộc; Bắc giáp phường Trần Phú và Lê Thanh Nghị.

4. Thành lập phường Cẩm Thượng trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Cẩm Thượng.

Xã Cẩm Thượng có diện tích tự nhiên 250 ha và 4.682 nhân khẩu.

Địa giới phường Cẩm Thượng: Đông giáp phường Bình Hàn; Tây giáp xã Việt Hòa; Nam giáp phường Thanh Bình; Bắc giáp huyện Nam Thanh.

5. Thành lập phường Bình Hàn trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Bình Hàn.

Phường Bình Hàn có diện tích tự nhiên 307 ha và 9.639 nhân khẩu.

Địa giới phường Bình Hàn: Đông giáp phường Ngọc Châu và phường Nguyễn Trãi; Tây giáp phường Cẩm Thượng và phường Thanh Bình; Nam giáp phường Thanh Bình, phường Phạm Ngũ Lão và phường Quang Trung; Bắc giáp huyện Nam Thanh.

6. Thành lập phường Lê Thanh Nghị trên cơ sở 140 ha diện tích tự nhiên và 8.100 nhân khẩu của phường Trần Phú.

- Phường Lê Thanh Nghị: Đông giáp phường Trần Phú; Tây giáp phường Thanh Bình; Nam giáp phường Hải Tân; Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão.

- Phường Trần Phú còn lại diện tích tự nhiên 110 ha và 10.025 nhân khẩu.

Địa giới phường Trần Phú: Đông giáp Phường Ngọc Châu; Tây giáp phường Lê Thanh Nghị và phường Phạm Ngũ Lão; Nam giáp phường Hải Tân; Bắc giáp phường Trần Hưng Đạo và phường Phạm Ngũ Lão.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 65-CP ngày 28-10-1996 về việc thành lập thị trấn An Lưu thuộc huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập thị trấn An Lưu thuộc huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã An Lưu.

- Thị trấn An Lưu có 258 ha diện tích tự nhiên và 6.400 nhân khẩu.

- Địa giới thị trấn An Lưu: Đông giáp xã An Sơn (huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng); Tây giáp xã Hiệp An; Nam giáp xã Long Xuyên, xã Thái Thịnh; Bắc giáp xã Hiệp Sơn và xã Phú Thứ.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT